

Những Chặng Đường Tu Học Của Người Cư Sĩ (Phần 7)

ISSN: 2734-9195 19:14 09/02/2024

Người cư sĩ thọ một giới mà thành hai giới trong tám giới Bát Quan Trai, đó là ý Phật làm gọn giới này để người cư sĩ dễ dàng tu học, tu tập.

Những Chặng Đường Tu Học Của Người Cư Sĩ

Giới Thiệu GIỚI THỨ BẢY Của Bát Quan Trai Giới

Giới đức thứ bảy của Bát Quan Trai Giới gồm có hai giới trong mười giới Sa Di, vì thế Thầy phân giới này ra làm hai, để dễ giải thích cho Quý phật tử hiểu. Hai giới này gồm có:

1- Giới đức thứ bảy A. 2- Giới đức thứ bảy B.

Những Chặng Đường Tu Học Của Người Cư Sĩ Thầy sẽ giảng giới đức thứ bảy A trước: cấm không nằm giường cao, rộng lớn; sau đó giảng giới đức thứ bảy B: cấm ca hát và nghe ca hát.

Vì thế người cư sĩ thọ một giới mà thành hai giới trong tám giới Bát Quan Trai, đó là ý Phật làm gọn giới này để người cư sĩ dễ dàng tu học, tu tập trong ngày Thọ Bát Quan Trai Giới.

✪✪✪ Giới thứ bảy A: CẤM NÀM GIƯỜNG CAO, RỘNG LỚN

Những Chặng Đường Tu Học Của Người Cư Sĩ Cấm nằm giường cao rộng lớn là “GIỚI ĐỨC THANH BẦN”. Người cư sĩ tại gia Thọ Bát Quan Trai Giới cần phải học, hiểu và sống cho đúng đức hạnh này, thì mới xứng đáng là đệ tử của Phật. Nằm giường cao rộng lớn không đúng oai nghi tế hạnh thanh bản, không đúng tư cách của một cư sĩ Phật giáo trong ngày Thọ Bát Quan Trai Giới. Vì nằm giường cao rộng lớn, gỗ quý giá, có nghĩa (160) là một người giàu sang, trái ngược với hạnh thanh bản của Phật giáo. Người cư sĩ Phật giáo nằm giường cao rộng lớn thường ngủ thiếu tỉnh giác, lăn lộn dễ dàng, nằm sấp, nằm ngửa, nằm nghiêng, quay lộn tứ hướng, v.v... Nằm ngủ như vậy có đúng đức hạnh của một vị Thánh cư sĩ không? Thưa quý phật tử! Quý vị nghĩ sao, với tư cách một cư sĩ

nằm ngủ như vậy, quý vị có chấp nhận không? Một cư sĩ Phật giáo trong ngày Thọ Bát nằm giường cao rộng lớn sang đẹp, mềm êm nệm ấm là đã phá hạnh thanh bản của một vị Thánh cư sĩ “xả phú cầu bản...”. Giới cấm không nằm giường cao rộng lớn là giới cấm giữ gìn oai nghi chánh hạnh khi nằm ngủ của một bậc Thánh cư sĩ, cho đúng đức hạnh tu hành giải thoát. Đức hạnh thanh bản của một vị cư sĩ Phật giáo Thọ Bát Quan Trai Giới là đúng nghĩa giải thoát của nó, nếu ai sống ngược lại thì không đúng nghĩa. Xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ bỏ những thứ sang giàu để chấp nhận một đời sống lấy gốc cây làm giường nằm. Đức hạnh thanh bản, giải thoát những vật chất thế gian của đức Phật rất tuyệt vời mà chúng ta cần phải noi gương. Chúng ta là những cư sĩ Phật giáo, muốn sống như Phật thì làm sao lại quên đi gương hạnh giải thoát cao quý này? Lại nỗ lực tâm tham đắm giường cao rộng lớn, để cho đời mĩa mai Phật giáo, thật là đau lòng. Phải không quý phật tử? Nếu đã đi tu theo Phật giáo thì phải làm tròn bốn phần đạo đức, đức hạnh của người cư sĩ Phật giáo, có nghĩa là giới luật phải nghiêm chỉnh. Thà không đi Thọ Bát Quan Trai thì thôi, chứ đã đi Thọ Bát Quan Trai Giới mà vi phạm giới luật này thì xấu hổ lắm quý phật tử! Nếu đi Thọ Bát Quan Trai Giới mà phạm giới này thì Thọ Bát Quan Trai Giới làm gì? Đừng để mọi người mĩa mai Phật giáo, đó là trách nhiệm và bốn phần của người cư sĩ Phật giáo. Giới Đức Thanh Bản đã lập nên một người cư sĩ Thọ Bát Quan Trai Giới đúng nghĩa xả phú cầu bản, xả thân cầu đạo của Phật giáo. Thế mà người cư sĩ Phật giáo Thọ Bát Quan Trai Giới hiện giờ sống không đúng giới hạnh, giới đức, thường vi phạm giới bốn, mà cứ ngỡ tưởng mình Thọ Bát Quan Trai Giới đúng pháp; mình là đệ tử của Phật. Nào ngờ cuộc sống của quý vị đã xác định quý vị là cư sĩ ngoại đạo, sống theo dục lạc thế gian... *“Giới luật là Thầy của mọi người. Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo (162) mất” (TBK T1, kinh Niết Bàn, T 432 SN)*, đó là lời di chúc sau cùng của đức Phật. Vậy mà nhiều đệ tử của Phật giáo hiện giờ phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, lại còn cho người giữ giới là lỗi thời, tu như vậy không chứng đạo. Những đức hạnh này chưa giữ trọn thì sau này làm Thầy thiên hạ có xứng đáng không? Thưa quý phật tử! Giới luật giúp cho người cư sĩ ly dục, ly ác pháp, để có được một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Với tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, đó là trạng thái ly dục ly ác pháp, phải không quý vị? Như vậy, từng giới luật của Phật có ly dục trong mỗi khía cạnh tâm dục của chúng ta. Giới đức không nằm giường cao rộng lớn là giúp cho người cư sĩ tập lìa xa vật chất thế gian, xa lìa tâm dục thích êm ấm, sang đẹp, xa lìa tâm giàu sang, sống tâm thanh bản, sống đời đơn giản tri túc, thiểu dục. Người cư sĩ Thọ Bát Quan Trai Giới mà còn cần giường nằm cao rộng lớn là còn dính mắc, thì làm sao ra khỏi được nhà sanh tử. Thân tâm của con người là thân tâm đắm nhiễm, khi người cư sĩ xem thường sự đắm nhiễm thì sẽ bị đắm nhiễm. Ví dụ, ta sống quen hạnh lấy gốc cây làm giường nằm, thì ta nằm ngủ rất dễ dàng, còn những người nằm giường cao rộng lớn êm đẹp thì quen với giường cao rộng lớn, nên khi lấy gốc

cây làm giường nằm thì ngủ rất khó khăn. Nếu không lập hạnh ly dục này thì sự tu hành chỉ hoài công vô ích, uống phí một đời tu hành. Giới đức không nằm giường cao rộng lớn có mục đích tạo cho cư sĩ Thọ Bát Quan Trai Giới trở thành những du tăng khát sĩ, rày đây mai đó sau này. Giới cấm này có mục đích giúp cho đệ tử của Phật thoát ra khỏi đời sống trụ thế đầy dính mắc vật chất. Có thoát ra khỏi đời sống trụ thế đầy dính mắc thì mới mong tìm thấy con đường giải thoát. Giới không nằm giường cao rộng lớn, nghe đơn giản nhưng rất đầy đủ ý nghĩa giải thoát của một vị cư sĩ Phật giáo. Một vị Thánh cư sĩ mà còn nằm giường cao rộng lớn, gỗ quý giá thì đức hạnh thanh bản đầu còn nữa. Phải vậy không thưa quý vị? Một vị cư sĩ nằm giường cao rộng lớn, mềm êm, nệm ấm trong ngày Thọ Bát Quan Trai Giới thì đầu còn có đức hạnh thanh bản nữa. Họ chỉ là một người phàm phu tục tử, tâm còn tham đắm vật chất về ngủ nghỉ; sống giống như một ông quan, một nhà vua, một người giàu sang, v.v... Tóm lại, Giới Đức Thanh Bản này giúp cho người cư sĩ Thọ Bát Quan Trai Giới sống như Phật và được tự tại giải thoát ly dục về ngủ nghỉ, về vật chất thế gian mà người không Thọ Bát Quan Trai Giới không thể làm được. Vậy, hỡi quý phật tử, Xin quý vị lưu ý: *“Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất”*. Vì vậy, quý phật tử trong ngày Thọ Bát Quan Trai Giới phải cố gắng giữ gìn những giới đức, giới hạnh cho trọn vẹn, thì Phật giáo mới thường còn. ❀❀❀

thứ bảy B: KHÔNG CA HÁT VÀ NGHE CA HÁT

Những Chặng Đường Tu Học Của Người Cư Sĩ Không ca hát và nghe ca hát là “GIỚI ĐỨC TRẦM LẶNG ĐỘC CƯ”. Người cư sĩ tại gia Thọ Bát Quan Trai Giới cần phải học, hiểu và sống đúng đức hạnh này để phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình. Do phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình nên các ác pháp không sanh khởi được, nhờ đó tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Lời ca tiếng hát phát ra âm thanh lúc trầm, lúc bổng, lúc cao, lúc thấp, kêu gọi thất tình lục dục trong ta sống dậy, khiến cho tâm hồn chúng ta rung động, ngây ngất buồn vui theo âm thanh du dương, ảo não của tình yêu thương lãng mạn giữa trai gái. Giọng ca trầm hùng thúc dục tiến bước quân hành khiến cho thanh niên hăng hái lên đường xông pha vào trận mạc, trước lần tên mũi đạn mà không hề nao núng. Lời ca tiếng hát có lợi nhưng cũng có hại. Lợi là trước cảnh đất nước bị ngoại xâm, lời ca tiếng hát thúc dục thanh niên lên đường cứu nước; hại là khiến cho thanh niên nam nữ yêu thương lãng mạn, đi đến những sự khổ đau tuyệt vọng, gây ra nhiều cái chết oan uổng. Phần nhiều những lời ca tiếng hát gọi lại những hình ảnh quá khứ thương đau, đánh thức dậy thất tình lục dục trong mỗi con người, khiến đời sống đã khổ lại còn khổ đau hơn. Do đức Phật thấy được những sự nguy hiểm này, vì thế Ngài cấm người cư sĩ trong những ngày Thọ Bát Quan Trai Giới không được nghe ca hát và tự mình ca hát. Những người cư sĩ Phật giáo vì mục đích giải thoát mọi sự khổ đau của cuộc đời, nên những ngày Thọ Bát thì cần tránh xa ca hát và nghe ca hát. Tại sao vậy? Như ở trên chúng tôi đã nói, Phật giáo cho rằng lời ca tiếng hát thường kêu gọi lòng

thương nhớ khổ đau trong chúng ta. Muốn thoát sự đau khổ, cho nên đạo Phật không cho cư sĩ Thọ Bát nghe ca hát hoặc tự ca hát. Đó là trách nhiệm và bổn phận của mỗi người cư sĩ đệ tử của đức Phật phải thấy. Không làm đệ tử Phật thì thôi, mà đã làm đệ tử Phật thì phải thấy trách nhiệm và bổn phận này. Nếu một cư sĩ trong ngày Thọ Bát còn nghe ca hát hay tự ca hát, thì đã đánh mất hết oai nghi Thánh hạnh Trầm Lặng Độc Cư của mình, của người cư sĩ Phật giáo. Cũng vì thế mà mất hết ý nghĩa sự giải thoát của đạo Phật. Người cư sĩ trong ngày Thọ Bát còn nghe ca hát và tự ca hát thì đi Thọ Bát để làm gì? Mục đích đi Thọ Bát của đạo Phật là ly dục, ly ác pháp. Còn ca hát hay nghe ca hát là còn nuôi dưỡng tâm dục, là còn nằm trong môi trường lục dục và ác pháp của thế gian. Vì nghe ca hát hay tự ca hát là làm sống lại thất tình lục dục trong thân tâm của chúng ta, như đã nói ở trên. Người cư sĩ đạo Phật hằng mong diệt thất tình lục dục để được giải thoát, thì cố chi lại còn ham thích ca hát hoặc nghe ca hát, để làm sống lại thất tình lục dục, thì sự tu tập biết chừng nào mới hết tâm lậu hoặc! Người nghe ca hát hay tự ca hát là gợi lên lòng thương nhớ khổ đau trong quá khứ, làm sống lại những ức niệm gì đã đi qua. Đức Phật đã dạy: *“Quá khứ không truy tìm, vị lai không ước vọng”*. Nghe ca hát và tự ca hát là truy tìm nỗi đau thương của quá khứ và nuôi hy vọng ở tương lai, và như vậy thì làm sao tu tập giải thoát khổ đau cho được. Lời ca tiếng hát, ngâm vịnh thơ văn phản ảnh được tâm lý ái dục của con người. Vì thế, Sở Bá Vương Hạng Võ thất trận là do tiếng sáo, tiếng tiêu của Tiêu Hà theo kế hoạch tâm lý chiến của Trương Lương, khiến cho quân lính của Sở Bá Vương nhớ nhà, cha mẹ và vợ con, nên đồng nhau bỏ trốn về. Có đúng như vậy không quý phật tử? Chúng ta hãy lắng nghe những câu thơ, lời ca kêu gọi lên lòng thương nhớ sâu khổ, như của nhà thơ Huy Cận viết: *“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp. Con thuyền xuôi mái nước song song. Thuyền về, nước lại, sầu trăm ngả. Củi một cành khô lạc mấy dòng?”* Một nhà thơ Trung Hoa, Lư Thuật viết: *“Nhật mộ hương quan hà xứ thị. Yên ba giang thượng sử nhân sầu”*. Tản Đà dịch: *“Quê hương khuất bóng hoàng hôn. Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”*. Đoàn Thị Điểm viết: *“Nước trong chảy lòng phiền không rửa. Cỏ xanh tươi dạ nhớ chằng khuây...”*. Lời ca tiếng hát của Y Vân: *“Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào...”*. Lời ca tiếng hát của Lưu Hữu Phước thúc dục thanh niên trí thức lên đường cứu nước: *“Này sinh viên ơi! Đứng lên đắp đê sông núi. Đồng lòng cùng đi, đi, đi mở đường khai lối. Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ quên...”*. Đó là những văn, thơ, ngâm vịnh, ca hát, khiến cho lòng người tê tái nhớ thương, khổ đau. Thương nhớ là một pháp ác, là một pháp đau khổ. Lời ca tiếng hát ngâm vịnh thơ văn gợi lên lòng thương nhớ sâu khổ của một người con nhớ mẹ (Lòng Mẹ), của một người vợ nhớ thương chồng đang chinh chiến ngoài biên ải xa (Chinh Phụ Ngâm), của một tình yêu quê hương (Tiếng Gọi Sinh Viên). Lời ca tiếng hát, thơ văn ngâm vịnh gợi lên tình yêu thương trai gái (sắc dục), tình yêu thương cha mẹ (ái kiết sử), tình yêu quê hương tổ quốc (ái kiết sử). Tất cả những sự yêu thương này

nằm ở trong thất tình lục dục. Như chúng ta đã biết, loài người thường chịu nhiều khổ đau là do thất tình lục dục tạo nên. Thế mà người ta thường tìm mọi cách làm sống lại nó để mà khổ, để mà đau. Lòng thương yêu trong thất tình lục dục là tình yêu thương hạn hẹp trong tình cảm cá nhân, tình thương yêu ấy thường làm khổ cho mình, cho người khác. Nỗi đau của thất tình lục dục khiến cho trai gái đi đến tuyệt vọng phải tự tử, khiến cho con giết cha, cha giết con, mẹ giết con, chồng giết vợ, vợ giết chồng, anh giết em, em giết anh, v.v... Nỗi đau ấy thúc dục chúng ta xả thân vào chỗ chết mà không hề biết sợ hãi, và cũng không thấy trách nhiệm bốn phận đạo đức làm người của mình đối với mình, của mình đối với người khác, v.v... Đạo Phật muốn cho con người thoát khổ, nên phải vượt thoát ra khỏi thất tình lục dục. Đối với đạo Phật, thất tình lục dục là một loại tình yêu thương hạn hẹp, nhỏ mọn, ích kỷ, phải được thay thế bằng một loại tình yêu thương rộng lớn. Tình yêu thương rộng lớn đó là tâm “từ, bi, hỷ, xả”. Tâm từ, bi, hỷ, xả là lòng yêu thương rộng lớn vô bờ bến, vì thế nó không bao giờ làm khổ mình, khổ người và làm khổ chúng sanh. Nhờ có tâm này thì chúng ta mới thoát ra khỏi thất tình lục dục. Nếu mình thương yêu mình sao lại nghe ca hát và tự ca hát, để gọi lên lòng nhớ thương, sầu khổ? Người đời không hiểu, nên cứ ngỡ mượn lời ca tiếng hát để giải sầu hay giải trí. Thật sự giải sầu hay giải trí như vậy lại làm cho tâm tư sầu khổ thêm, trí óc mệt nhọc, căng thẳng hơn. Lời ca tiếng hát chỉ giúp cho người làm việc đầu óc quá căng thẳng được thư giãn mà thôi. Mình thương mình thì không nên làm khổ mình. Phải không quý phật tử? Nghe ca hát và tự ca hát cũng tự làm khổ mình, các bạn có hiểu không? Cho nên muốn không làm khổ mình thì các bạn không nên nghe ca hát và ca hát. Bởi vì nghe ca hát cũng làm cho các bạn mất thì giờ rất nhiều. Giải trí, nghỉ ngơi mà lại bắt đầu óc lắng nghe âm thanh, khiến cho thần kinh mỗi mệt. Như vậy giải trí, nghỉ ngơi có đúng không? Như vậy thương yêu mình sao lại làm khổ mình? Mượn lời ca tiếng hát để quên đi sự sầu khổ, để giải trí nghỉ ngơi thì không đúng. Đó là một hình thức tránh né, trốn chạy để ức chế và đè nén tâm mình. Chúng tôi xin đem một ví dụ giải sầu khác: Cũng như người vì quá buồn khổ lại mượn chén rượu để giải sầu, rượu là một chất độc, kích thích khiến cho thần kinh hưng phấn, nói năng, cử chỉ giống như người điên, người mất trí... Những người say rượu như vậy họ đâu có sáng suốt thấy mình say rượu, họ cảm thấy như mượn chén rượu để nói lên lòng căm tức, lòng khổ đau của mình để cho hả lòng buồn giận, tức là giải sầu. Nhưng họ có biết đâu, chính họ đã bị tâm họ lừa dối họ. Họ đang say, nhưng họ đâu biết họ đang say. Sự thật là họ đang say rượu, thần kinh bị hưng phấn, họ không tự làm chủ họ được nữa, họ nghĩ rằng uống rượu say là sẽ quên sầu khổ, nhưng không ngờ họ đã làm cho họ sầu khổ thêm, chứ nào đâu phải mượn rượu để giải sầu. Thưa quý phật tử! Lời ca tiếng hát cũng như vậy, chỉ làm vui dạ những người không biết sống cho mình. Nghe ca hát và tự ca hát là sống theo ngoại cảnh thất tình lục dục, thuộc về ảo ảnh, hư tưởng của những sự việc gì đã qua và của những

sự việc gì chưa đến, họ tưởng là giải khổ, nhưng lại chồng thêm khổ cho họ. Ca hát là sự kêu gọi lòng đau khổ, làm mất sự an tĩnh trầm lặng của tâm hồn, nên đức Phật cấm những hàng đệ tử của mình: *“Không ca hát và nghe ca hát”*. Một vị Thánh cư sĩ Thọ Bát Quan Trai Giới mà đờn ca xướng hát ngâm vịnh, hoặc tán tụng ê, a giọng cao, giọng thấp để ru hồn người vào cõi tưởng, thì điều này đức Phật đã không chấp nhận từ lâu. Kinh Sonadanda, thuộc Trường Bộ Kinh, tạng kinh Nikaya (Nguyên Thủy), có nêu lên năm đức tánh của một tu sĩ Bà La Môn. Năm đức tánh đó là: 1- *Thọ sanh huyết thống 7 đời Bà La Môn*. 2- *Chú thuật, phúng tụng, thông hiểu ba tập Vệ Đà (danh từ, nghĩa lý và nghi lễ... phải thông suốt)*. 3- *Đẹp trai, tướng hảo (32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp)*. 4- *Trí tuệ*. 5- *Giới luật*. Đức Phật đã loại bỏ ba đức tánh trước, mà chỉ chấp nhận có 2 đức tánh sau: 1- *Trí tuệ*. 2- *Giới luật*. Ngài không chấp nhận dòng giống, tướng tốt, tụng niệm và chú thuật, vì thế giới luật của Ngài cấm tu sĩ ca hát và nghe ca hát, tức là cấm tụng niệm ê, a giọng cao, giọng thấp. Trong đạo Phật, chỉ có trí kiến (trí tuệ) và giới luật mới giúp cho đệ tử của Người thật sự giải thoát mọi khổ ách. Hôm nay, quý cư sĩ tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, thì Thầy nghĩ rằng: đây không phải là đường lối của Phật giáo, mà là một nghề tụng niệm của Bà La Môn ngày xưa để trao đổi kiếm sống với tín đồ. Khi những vị Bà La Môn này còn tuổi trẻ, thì lấy nghề tụng niệm mà kiếm sống, đến khi già, các vị này chuyên tu nên không còn tụng niệm nữa. Đức Phật xưa xuất gia tu hành cũng theo đạo Bà La Môn, nhưng không tìm thấy sự giải thoát trong đạo này, nên Ngài phải tự vạch ra cho mình một lối đi. Những gì của đạo Bà La Môn mà có sự tu tập giải thoát chân thật thì Ngài chấp nhận, còn những gì tu tập không giải thoát thì Ngài loại trừ bỏ ra. Năm điều kiện để trở thành một Bà La Môn, Ngài chỉ chấp nhận hai điều kiện, còn ba điều kiện Ngài loại bỏ như đã nói. Chúng ta thấy rất rõ, đức Phật không chấp nhận 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, chỉ có các nhà kinh sách Phát triển thường ca ngợi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của đức Phật. Rõ ràng đây là Bà La Môn mạo danh Phật giáo. Xin quý vị Phật tử cứ suy ngẫm lời Thầy nói có đúng không?: *“Kinh sách phát triển chính là kinh sách của Bà La Môn”*. Nghề chân chính trong đạo Phật đó là nghề đi xin ăn (Chánh Nghiệp), còn nghề tụng kinh, niệm chú, cầu an, cầu siêu, cúng vong, tiền linh, cúng sao, giải hạn, làm tuần, làm tự, v.v... là Tà Nghiệp, đức Phật không chấp nhận. Bài kinh Sonadanda đã nói lên tinh thần bài bác những pháp môn tụng niệm, cầu cúng không lợi ích cho đời sống, mà còn gây cho tín đồ mê tín và lạc hậu. Một vị Thánh cư sĩ ngồi tụng niệm ê, a giọng cao, giọng thấp theo nhịp tiếng chuông, tiếng mõ giống như đờn ca xướng hát, ngâm vịnh, thì oai nghi tế hạnh này làm sao gọi là đức hạnh của tín đồ Phật giáo được. Một vị Thánh cư sĩ là phải sống trọn vẹn đầy đủ đức hạnh trầm lặng. Đức hạnh trầm lặng mới nói lên được oai nghi tế hạnh của một bậc Thánh cư sĩ. Vì trạng thái sống trầm lặng ấy mới được gọi là sự sống của những bậc Thánh. Còn ngược lại, ngồi tụng, niệm ê, a như ca hát, hoặc nghe tụng niệm thì tâm hồn trầm lặng đâu còn. Một vị Thánh cư sĩ là phải sống trọn

ven trong trạng thái trầm lặng mới được gọi là Thánh cư sĩ. Giới Đức Trầm Lặng Độc Cư giúp cho chúng ta trở về sống với nội tâm của mình. Sống trở về nội tâm của mình là một đức hạnh tuyệt vời, vì nó là đức hạnh không làm khổ mình, khổ người. Do sự lợi ích này đức Phật cấm các đệ tử của mình không được nghe ca hát và tự ca hát. Một vị Thánh cư sĩ ngồi nghe ca hát hoặc tự mình ca hát dù là bài ca loại nào, cho đến những bài tán tụng những câu kinh, tiếng kệ cũng đều thuộc loại ca hát. Nên trong kinh Sa Môn Quả, kinh Sonadanda, đức Phật đều không chấp nhận những lối tán tụng, niệm Phật ê, a. Gần đây có một số tu sĩ và cư sĩ không thâm hiểu đạo Phật, họ bắt chước theo đạo Thiên Chúa, soạn nhạc Phật để sách tấn cư sĩ tu học. Đó là một việc làm trái với mục đích của Phật giáo. Phật giáo chấp nhận sống trầm lặng độc cư, nên đức Phật thường nhắc nhở đệ tử của mình phải sống độc cư như con tê ngưu một sừng. Đạo Phật là đạo tự lực cứu mình ra khỏi sông mê, biển khổ của kiếp người, thì giới hạnh Trầm Lặng Độc Cư rất cần thiết cho sự sống về nội tâm của người tu giải thoát. Người tu theo đạo Phật mà không giữ được đức hạnh độc cư này thì rất khó tìm sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sinh luân hồi. Còn ca hát và nghe ca hát là còn tâm dục của thế gian. Giọng ca, tiếng hát của mình, của người là thực phẩm nuôi dưỡng tâm dục. Còn nuôi dưỡng tâm dục thì làm sao ly dục, ly ác pháp được. Người không biết cho rằng, những bài kinh tán tụng ê, a giọng cao thấp là ca nhạc đạo. Đối với đạo Phật thì không có ca nhạc đạo, mà chỉ có sự sống trầm lặng để trở về với nội tâm thanh thản, an lạc và vô sự của mình. Giới Đức Trầm Lặng giúp chúng ta sống về nội tâm của mình, nhờ thế mà ta nhận ra được mỗi tâm niệm ác và thiện, nên ta sẽ diệt ác và tăng trưởng thiện một cách dễ dàng. Nếu không nhờ Đức Hạnh Trầm Lặng, thì ta rất khó nhận ra được cái tâm xảo trá của chính chúng ta, nên rất khó ly dục, ly ác cho thật sạch. Giới Đức Trầm Lặng Độc Cư là một đức hạnh tuyệt vời, mà cũng là một pháp hành vi diệu giúp chúng ta ngăn và diệt ác pháp tận gốc. Cho nên, GIỚI KHÔNG NGHE CA HÁT VÀ TỰ CA HÁT thì chỉ có trong đạo Phật mới có đức hạnh này. Đức hạnh này rất xứng đáng là hạnh của một bậc Thánh đệ tử Phật. Tóm lại, người cư sĩ Phật giáo trong ngày Thọ Bát Quan Trai nghe ca hát và tự ca hát thì không phải là cư sĩ Phật giáo, mà đó là cư sĩ của Bà La Môn.

(còn tiếp)

Tác giả: **Trưởng Lão Thích Thông Lạc**

Trích sách: Những Chặng Đường Tu Học Của Người Cư Sĩ - Nhà xuất bản Tôn giáo